THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

• PGS.TS. ĐÀO THÁI LAI; PGS.TS. VŨ TRỌNG RỸ;
• TS. LÊ ĐÔNG PHƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
• PGS.TS. NGÔ DOÃN ĐÃI
Đại học Quốc gia Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) ở nước ta đã được Đảng, Nhà nước và các cấp quản lí giáo dục quan tâm. Nghị quyết TW2 (khoá VIII) đã chỉ rõ: "Cần *đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục-đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên (SV) đại học (ĐH)"* [1].

Tuy nhiên, cho đến nay việc đổi mới PPDH ở ĐH vẫn đang là vấn đề cần xem xét. Có nhiều ý kiến cho rằng vẫn không có chuyển biến trong đổi mới PPDH ở ĐH, cán bộ quản lí và đội ngũ giảng viên chưa đầu tư thích đáng cho PPDH, trường ĐH là trường phổ thông cấp 4... song, các nhận định trên chủ yếu vẫn chỉ là cảm tính, hoặc được rút ra từ thực tế dạy học ở một khoa, một trường cụ thể. Để có được cái nhìn tổng thể và những kết luận chính xác về thực trạng đổi mới PPDH ở ĐH, cần một nghiên cứu sâu và rộng, có cơ sở khoa học.

Các chuyên gia thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội, Vụ Giáo dục ĐH, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường đã tổ chức nghiên cứu thực trạng đổi mới PPDH ở ĐH. Tập thể nghiên cứu đã phỏng vấn gián tiếp các đối tượng là cán bộ quản lí, giảng viên và SV của 43 trường ĐH. Số lượng các đối tượng khảo sát gồm: 367 nhà quản lí cấp trường và cấp khoa (trong đó có 48 lãnh đạo trường, 319 nhà quản lí cấp khoa), 1342 giảng viên, 1386 SV; phỏng vấn sâu tại 7 trường ĐH: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Sư phạm Kĩ thuật TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH Cần Thơ. Đồng thời, tiến hành hồi cứu tư liệu qua các kỉ yếu hội thảo, các đề tài nghiên cứu khoa học, các văn bản, chỉ thị về đổi mới PPDH của các cấp quản lí, các tài liệu trên internet.

Việc điều tra, khảo sát tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

1. Nhận thức của cán bộ quản lí và giảng viên về đổi mới PPDH

Thứ nhất, tìm hiểu quan niệm về "đổi mới PPDH" của cán bộ quản lí, giảng viên ở các trường ĐH. Thứ hai, tìm hiểu quan niệm của cán bộ quản lí, giảng viên về tầm quan trọng của việc đổi mới PPDH. Thứ ba, tìm hiểu việc cán bộ quản lí, giảng viên đánh giá về yếu tố PPDH trong các thành tố năng lực của giảng viên ĐH hiện nay.

2. Thực tiễn đổi mới PPDH trong đội ngũ cán bộ quản lí và giảng viên

Tìm hiểu chủ trương, chính sách, các biện pháp quản lí, chỉ đạo của các cấp quản lí nhằm tăng cường đổi mới PPDH. Đặc biệt, tìm hiểu kĩ về thực trạng đổi mới PPDH của đội ngũ giảng viên: sự am hiểu của giảng viên ĐH về các PPDH, kĩ năng sử dụng các PPDH này, giảng viên ĐH có vận dụng các phương pháp đó thường xuyên hay không. Đồng thời xem xét hiệu quả của việc áp dụng các PPDH mới trong quá trình đào tạo SV.

3. Các điều kiện đổi mới PPDH

Nhóm nghiên cứu tìm hiểu việc đảm bảo những điều kiện cần thiết để đổi mới PPDH: chẳng hạn, tỉ lệ SV/giảng viên, trình độ của đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, về phương pháp học tập của SV,...

Quá trình điều tra, khảo sát được thực hiện từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 12 năm 2008.

II. Một số kết quả nghiên cứu

Kết hợp kết quả xử lí số liệu điều tra gián tiếp với các kết quả làm việc trực tiếp tại các trường và kết quả hồi cứu, tập thể nghiên cứu đã rút ra một số kết luận cơ bản về thực trạng công tác đổi mới PPDH ở ĐH.

1. Nhận thức của giảng viên và cán bộ quản lí

Đa số các nhà quản lí và giảng viên các trường ĐH (87,2%) quan niệm đúng về bản chất của việc đổi mới PPDH. Đó là việc chuyển từ dạy học theo kiểu truyền thụ một chiều của giảng

[1] Nghị quyết TW2 (khóa VIII).

viên sang kiểu dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực, sáng tạo trong hoạt động học tập của SV. Tuy nhiên, vẫn còn một số nhà quản lí và giảng viên quan niệm phiến diện về bản chất của đổi mới PPDH.

Đa số các nhà quản lí và giảng viên cho rằng việc đổi mới PPDH cần được tiến hành một cách đồng bộ với việc đổi mới chương trình đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo ở ĐH. Trong các nhân tố thúc đẩy việc đổi mới PPDH, nhân tố giảng viên ý thức được tầm quan trọng của việc đổi mới PPDH được xếp ở vị trí cao nhất. Tuy nhiên, sự chỉ đạo của cán bộ quản lí các cấp có vai trò quyết định tới hoạt động đổi mới PPDH của giảng viên.

Đa số giảng viên coi yêu cầu đối với giảng viên là "vừa có trình độ chuyên môn tốt, vừa có PPDH tốt".

2. Thực trạng công tác chỉ đạo đổi mới PPDH ở các trường ĐH

2.1. Các biện pháp lập kế hoạch, tổ chức quản lí

Việc xác định chiến lược đổi mới PPDH trong hoạt động tổ chức, chỉ đạo còn chưa thực hiện ở nhiều trường.

- Qua thông tin từ 32 trường ĐH, chỉ có 19 trường thành lập ban chỉ đạo đổi mới PPDH với chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động cụ thể.

- Có 83,3% (40/43) nhà quản lí cấp trường đã ban hành văn bản quy định về tăng cường đổi mới PPDH. Số còn lại chưa chú ý đưa vấn đề đổi mới PPDH vào các văn bản chỉ đạo của mình.

2.2. Các biện pháp tổ chức, chỉ đạo cụ thể

Nhiều đơn vị đã áp dụng các biện pháp thúc đẩy đổi mới PPDH, tuy nhiên việc tổ chức tập huấn nâng cao năng lực PPDH cho giảng viên, biên soạn các tài liệu về PPDH, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về PPDH, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, giáo trình, tài liệu tham khảo cho giảng viên và SV còn hạn chế.

- Có 85,7% (42/48) nhà quản lí cấp trường và 75,9% (204/271) nhà quản lí cấp khoa cho biết đơn vị họ đã áp dụng biện pháp "dự giờ" giảng viên giỏi.

- Có 61,2% (30/49) nhà quản lí cấp trường và 55,2% (139/252) nhà quản lí cấp khoa đã có chính sách khuyến khích động viên, khen thưởng bằng vật chất và tinh thần cho giảng viên trong việc đổi mới PPDH.

- Có 64,7% (33/51) nhà quản lí cấp trường và 67,1% (169/252) nhà quản lí cấp khoa đã áp dụng biện pháp "đưa vào chỉ tiêu thi đua" để thúc đẩy việc đổi mới PPDH.

- Có 79,2% (38/48) các nhà quản lí cấp trường và 75,6% (204/270) các nhà quản lí cấp khoa đã áp dụng biện pháp "bồi dưỡng về PPDH ĐH cho các giảng viên". Có thể thấy ngay rằng, không phải tất cả giảng viên ở các trường ĐH đều được tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới PPDH. Theo phiếu khảo sát 1342 giảng viên của 43 trường ĐH, tỉ lệ số giảng viên được tập huấn, bồi dưỡng mới chỉ chiếm khoảng 60%.

- Có 39,5% (17/43) các nhà quản lí cấp trường cho biết đơn vị của họ đã mở các khoá đào tạo giảng viên theo "Chương trình sư phạm cốt lõi".

- Một số trường đã tổ chức các hội thảo, seminar về đổi mới PPDH như một biện pháp để thúc đẩy công tác này.

- Tuy nhiên, ít trường ĐH tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn về PPDH, trong khi đó nhu cầu tìm hiểu các tài liệu về PPDH hiện đại trong đội ngũ giảng viên rất lớn.

- Việc tổ chức các đề tài nghiên cứu khoa học về đổi mới PPDH chưa được quan tâm ở các trường ĐH. Theo số liệu của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong 5 năm 2001-2005 chỉ có 35 đề tài cấp Bộ liên quan tới đổi mới PPDH trên tổng số 3064 đề tài .

- Phần lớn các trường ĐH đều cố gắng tăng cường trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đổi mới PPDH, tuy nhiên đều không đáp ứng được nhu cầu của giảng viên và SV.

3. Thực trạng của việc thực hiện đổi mới PPDH của giảng viên các trường ĐH

Kết quả xử lí phiếu hỏi, tọa đàm trực tiếp và hồi cứu như sau:

a) Hiểu biết của giảng viên về các PPDH ở ĐH

Đa số giảng viên đều hiểu biết và có kĩ năng sử dụng tốt nhóm phương pháp thuyết trình. Một số PPDH hiện đại có tác dụng phát huy cao tính tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo ở SV còn rất xa lạ với số đông giảng viên. Việc sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Trong phiếu hỏi có liệt kê 21 phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cụ thể để giảng viên được hỏi tự đánh giá mức độ hiểu biết của mình từ "chưa biết" đến mức độ "áp dụng thành thạo"[2].

[2] Các phương pháp, hình thức dạy học được liệt kê trong danh mục là: 1. Thuyết trình; 2. Thuyết trình có vấn đáp; 3. Thuyết trình có sử dụng phương tiện nghe nhìn; 4. Seminar; 5. Dạy học hợp tác; 6. Dạy học graph; 7. Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề; 8. Dạy học tình huống; 9. Dạy học đóng vai; 10. Dạy học tiếp cận môđun; 11. Dạy học theo dự án; 12. Tổ chức thực hành, thí nghiệm; 13. Tổ chức thảo luận nhóm; 14. Sử dụng phần mềm dạy học; 15. Sử dụng internet; 15. Tư vấn; 16. Dạy học từ xa; 18. E-learning; 18.Sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm dạy học; 19. Liên kết đào tạo với cơ sở sản xuất, kinh doanh; 20. Tổ chức SV thực tập tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; 21. Tổ chức SV tự học, tự nghiên cứu.

- Kết quả thống kê số liệu cho thấy, đại bộ phận giảng viên không xa lạ với các phương pháp thuộc nhóm phương pháp thuyết trình. Trên dưới 50% số giảng viên được hỏi đều có hiểu biết về các phương pháp này ở mức áp dụng thành thạo (thuyết trình: 64,5%, thuyết trình kết hợp vấn đáp: 54,6%, thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện nghe - nhìn: 45,8%, thảo luận, làm việc theo nhóm: 44,2%).

- Ở một số PPDH, một bộ phận đáng kể giảng viên chưa biết hoặc biết (nghe nói đến) nhưng chưa bao giờ áp dụng như PPDH bằng graph (60,7%) số giảng viên chưa hề biết); PPDH theo tiếp cận mô đun (25,6%), PPDH theo dự án (28,7%), PPDH hợp tác (31,1%). Tỉ lệ giảng viên áp dụng thành thạo các phương pháp này rất thấp, từ 2,5% đến 7,8%.

b) Về mức độ sử dụng các PPDH của giảng viên

- Kết quả thống kê số liệu từ 1196 phiếu trả lời của giảng viên cho thấy, nhóm phương pháp thuyết trình được giảng viên thường xuyên sử dụng nhất (60,1% thường xuyên sử dụng phương pháp thuyết trình, 56,0% thường xuyên sử dụng thuyết trình kết hợp đàm thoại, 44,7% thường xuyên sử dụng thuyết trình kết hợp các tài liệu nghe - nhìn) . Điều này cũng phù hợp với đánh giá của cán bộ quản lí. Phiếu trả lời của 1437 SV cũng cho kết quả tương tự (51,5% số ý kiến cho rằng giảng viên thường xuyên sử dụng phương pháp thuyết trình).

- Với các phương pháp mới như phương pháp đóng vai, dạy học theo tiếp cận môđun, dạy học bằng graph, dạy học theo dự án, dạy học qua mạng, nghiên cứu điển hình, phần lớn số ý kiến cho rằng: Giảng viên còn rất hiếm khi sử dụng hoặc chưa sử dụng. Tỉ lệ ý kiến này chiếm khoảng 80%. Ví dụ, phương pháp dạy học bằng graph có đến 73,2% số ý kiến cho rằng chưa bao giờ sử dụng, 16,5% số ý kiến cho rằng hiếm khi sử dụng; PPDH theo Dự án: 60,4% số ý kiến cho rằng chưa bao giờ sử dụng, 19,5% cho rằng hiếm khi sử dụng; PPDH qua mạng: 58,7% số ý kiến cho rằng chưa bao giờ sử dụng, 19,1% cho là hiếm khi sử dụng. Mức độ sử dụng mỗi PPDH có sự khác biệt giữa các khối ngành nghề.

- Trong 21 phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đã được nêu ra, chỉ có 9 phương pháp được áp dụng phổ biến ở các trường ĐH. Đó là phương pháp thuyết trình, thuyết trình kết hợp đàm thoại; thuyết trình kết hợp sử dụng các tài liệu nghe - nhìn; làm việc theo nhóm; seminar; thí nghiệm - thực hành; dạy học với sự trợ giúp của máy tính; thực tập; tổ chức cho SV tự học, tự nghiên cứu, 12 phương pháp còn lại chưa phải là phổ biến ở các trường ĐH hiện nay.

c) Hiệu quả sử dụng các PPDH của giảng viên các trường ĐH

Các PPDH được sử dụng ở mức "tương đối có hiệu quả" là nhóm phương pháp thuyết trình, thảo luận theo nhóm, seminar, dạy học tình huống. Với một số phương pháp mới, tỉ lệ giảng viên sử dụng không hiệu quả tương đối cao.

Thống kê số liệu cho thấy, giảng viên ĐH sử dụng rất có hiệu quả và tương đối hiệu quả chiếm tỉ lệ cao các phương pháp: thuyết trình kết hợp vấn đáp (42,9% rất có hiệu quả, 55,1% tương đối hiệu quả); thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện nghe - nhìn (46,5% và 50,2%); thảo luận, làm việc theo nhóm (41,6% và 55,2%); tổ chức seminar (27,9% và 64,1%); dạy học theo tình huống (31,9% và 59,8%). Với một số phương pháp, tỉ lệ giảng viên sử dụng không hiệu quả tương đối cao. Ví dụ, phương pháp đóng vai (24,2% sử dụng không hiệu quả), dạy học theo tiếp cận môđun (24,5%), dạy học bằng graph (47,0% sử dụng không hiệu quả); E-learning (30,5% sử dụng không hiệu quả); dạy học theo dự án (27,6%), dạy học hợp tác (24,9% sử dụng không hiệu quả) .

d) Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học của giảng viên các trường ĐH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình đào tạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học là một hướng đổi mới PPDH ở ĐH, mới chỉ bước đầu có hiệu quả, chủ yếu là trong sử dụng Power Point.

Thống kê cho thấy, phần lớn giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên dưới dạng trình chiếu Power Point (65,3%) và khai thác thông tin trên mạng internet (53,0%) vào dạy học; một bộ phận đáng kể thường xuyên thiết kế bài giảng điện tử (39,0%), quản lí hồ sơ giảng dạy bằng máy tính (32,2%), sử dụng phần mềm dạy học (24,3%). Một bộ phận đáng kể giảng viên chưa bao giờ áp dụng các hình thức sử dụng công nghệ thông tin khác vào dạy học như thi trực tuyến (56,2%), dạy học qua mạng (65,2%), làm phim video (43,2%), sử dụng máy tính hỗ trợ thí nghiệm (34,9%).

Một bộ phận đáng kể giảng viên cho rằng dạy học qua mạng (39,1%) và tổ chức thi trực tuyến (26,5) là không có hiệu quả.

4. Những trở ngại khi tiến hành đổi mới PPDH

Đánh giá về những khó khăn, trở ngại của việc đổi mới PPDH ở ĐH được thể hiện ở bảng sau:

Trở ngại	*Tỉ lệ quản lí cấp trường đồng ý*	*Tỉ lệ quản lí cấp khoa đồng ý*	*Tỉ lệ giảng viên đồng ý*	*Tỉ lệ SV đồng ý*
Cơ chế quản lí chưa phù hợp	37%	33,9%	44,9%	
Nội dung, chương trình lạc hậu	51,9%	36,7%	45,7%	54%
Phương pháp kiểm tra đánh giá chưa phù hợp	48,1%	45,6%	48,1%	60,9%
Tâm lí giảng viên	59,3%	41,8%	9,1%	
Cơ sở vật chất thiếu	64,8%	66,5%	69,6%	73,1%
Thông tin, thư viện	42,6%	47,2%	56,1%	58,6%
Lớp học quá đông	57,4%	64,2%	70,6%	54%
Giảng viên dạy nhiều	50%	51,6%	43,9%	
Bồi dưỡng PPDH chưa tốt	46,3%	45,9%	57,4%	
Trình độ giảng viên hạn chế	42,6%	42,7%	19,5%	
Ngoại ngữ yếu	66,7%	64,4%	51,9%	64,8%
Phương pháp học của SV chưa phù hợp	79,6%	74,1%	66,7%	60,4%

Bảng trên cho thấy, các nhà quản lí, giảng viên và SV tương đối thống nhất rằng các yếu tố cản trở mạnh nhất tới việc đổi mới PPDH là: 1) Cơ sở vật chất hạn chế, 2) Lớp học quá đông, 3) Trình độ ngoại ngữ yếu, và 4) Tình trạng SV chưa chuẩn bị tốt về phương pháp học tập. Các phiếu trả lời của SV còn nhấn mạnh thêm tới các yếu tố cơ sở vật chất, thư viện và phương pháp đánh giá chưa phù hợp.

5. Các điều kiện đảm bảo đổi mới PPDH ở trường ĐH

Các điều kiện được đưa ra phân tích gồm: Chỉ số về tỉ lệ SV/giảng viên; trình độ giảng viên; cơ sở vật chất; thiết bị dạy học; trang bị máy tính.

a) Tỉ lệ SV/giảng viên

Bình quân trong 25 trường ĐH có số liệu báo cáo là 32,2 SV/giảng viên. Đây là tỉ lệ quá lớn, khó có thể chấp nhận với các cơ sở đào tạo ĐH trên bình diện quốc tế. Với chỉ số như vậy, hiện tượng quy mô lớp học khoảng 80 SV, thậm chí hàng trăm SV xảy ra là tất nhiên, và vì thế khó có thể hỗ trợ SV tự học và nghiên cứu khoa học. Các PPDH như tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học theo dự án, tập dượt nghiên cứu khoa học không thể đạt hiệu quả cao.

b) Trình độ giảng viên

Tỉ lệ cán bộ giảng dạy có học vị cao và học hàm giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS) còn ít. Số giảng viên được tập huấn về PPDH còn thấp, và một bộ phận đáng kể vẫn chưa được làm quen với các PPDH hiện đại. Điều này ảnh hưởng nhiều đến việc đổi mới PPDH ở ĐH.

Thống kê số liệu đầy đủ từ 30 trường ĐH cho thấy: có 42 GS, 72 PGS, 5 tiến sĩ khoa học (TSKH) và 247 tiến sĩ (TS) trên tổng số khoảng 13000 giảng viên. Giảng viên có trình độ từ TS và TSKH chiếm 14,6%. Số lượng giảng viên có học vị TS và TSKH, có học hàm GS và PGS chiếm tỉ lệ thấp (4,5%). Trong số 1031 phiếu trả lời về việc tham dự các khoá tập huấn, số giảng viên được tập huấn về PPDH chiếm 67% (695/1031%), trong đó có 11% được tập huấn ở nước ngoài (118/1031). Tỉ lệ giảng viên được tập huấn không cao (so với giáo viên phổ thông, tỉ lệ này là 100%).

c) Các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học, giáo trình, tài liệu tham khảo

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy học của giảng viên và SV.

Cơ sở vật chất, thiết bị còn thiếu nhiều, thiếu nhất là phụ tá thí nghiệm, sau đó là phòng học chuyên dụng, tiếp đó lần lượt là phòng thí nghiệm, máy tính, phương tiện nghe nhìn, thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo, giáo trình.

Thiếu hụt giáo trình, tài liệu tham khảo là ít nhất, chỉ có 25-30% giảng viên cho là còn thiếu. Trong khi đó, quy mô đào tạo tăng nhanh, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên dụng thiếu đáng kể nên có 50% giảng viên đánh giá là thiếu. Riêng phụ tá là loại nhân sự lâu nay không được

chú trọng, khi đổi mới PPDH cần nhiều phương tiện và thiết bị dạy học, phụ tá trở nên có nhu cầu lớn cho nên có trên 50% giảng viên cho rằng thiếu hụt phụ tá.

d) Phương pháp học tập của SV

Kết quả tìm hiểu về phương pháp học tập của SV cho thấy, phần lớn SV chưa tìm được phương pháp học phù hợp với đặc điểm nhận thức của cá nhân và không nắm vững phương pháp học. Những hạn chế về thái độ và phương pháp học tập của SV đã ảnh hưởng không tốt đến việc đổi mới PPDH ở ĐH.

Trong các cuộc phỏng vấn trực tiếp tại 7 trường ĐH, phần lớn SV đều tự nhận xét việc đổi mới PPDH chưa thật hiệu quả là do SV chưa có phương pháp học tập thích hợp; SV còn nặng về dựa vào bài giảng của giảng viên, thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm một cách hình thức, chiếu lệ.

III. Kết luận

Nhìn tổng thể, có thể thấy rằng việc đổi mới PPDH ở ĐH mới chỉ là bước đầu, chưa có tác động lớn tới việc nâng cao chất lượng đào tạo. Có thể đưa ra một số nhận định sau:

1. Một số kinh nghiệm thành công bước đầu

Đã có một cơ sở đào tạo ĐH bước đầu thành công trong đổi mới PPDH. Các kinh nghiệm thành công có thể tóm tắt trong các vấn đề sau:

- Phần lớn giảng viên, cán bộ quản lí có nhận thức đúng về bản chất đổi mới PPDH ở ĐH.

- Trong điều kiện hiện nay, ban giám hiệu, lãnh đạo các khoa có vai trò quyết định tới sự nghiệp đổi mới PPDH ở ĐH. Ở các trường có nhiều thành công trong đổi mới PPDH đều được sự quan tâm của cán bộ quản lí các cấp, có kế hoạch dài hạn, các quy định, các biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy đổi mới PPDH.

- Một số trường ĐH đã chú trọng tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, tăng cường cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới PPDH ở ĐH. Tổ chức tập huấn cho giảng viên về PPDH.

- Trong hệ thống các trường ĐH, có một số trường đã có những thành công nhất định trong đổi mới PPDH. Chẳng hạn, trong 7 trường ĐH được khảo sát, Trường ĐH Nông - Lâm Thái Nguyên, Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên, Trường ĐH Cần Thơ là những cơ sở có một số mặt thành công trong đổi mới PPDH. Lãnh đạo các cơ sở đào tạo này đã có ý thức và kiên trì quá trình đổi mới PPDH trong nhiều năm, qua nhiều thế hệ quản lí. Một trong những nguyên nhân thành công của các cơ sở này là đã có một loạt dự án tăng cường năng lực cho từng trường (các dự án ODA, dự án Viện trợ quốc tế,..).

- Những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện học chế tín chỉ, cho phép SV được chủ động lựa chọn theo học các học phần, chủ động lựa chọn giảng viên trong quá trình học tập , quy định về đổi mới đánh giá, việc thí điểm tổ chức cho SV góp ý đánh giá hoạt động dạy học của giảng viên bước đầu đã tạo động lực cho đổi mới PPDH.

2. Những nhược điểm, tồn tại trong đổi mới PPDH ở ĐH

- Tuy các trường đều nhận thức được rằng đổi mới PPDH là một nhiệm vụ quan trọng, nhưng ở nhiều trường ĐH, các chủ trương, định hướng chưa thực sự thể hiện trong biện pháp chỉ đạo, quản lí cụ thể, hiệu quả đổi mới PPDH chỉ ở mức độ khiêm tốn.

- Phần lớn giảng viên còn chưa biết đến nhiều PPDH hiện đại. Nhóm phương pháp thuyết trình vẫn được sử dụng phổ biến (đặc biệt trong các môn giáo dục đại cương). Năng lực sử dụng ngoại ngữ của giảng viên yếu, vì thế hạn chế việc cập nhật thông tin từ các nguồn thông tin quốc tế.

- Còn một bộ phận giảng viên chưa tích cực đổi mới PPDH. Phần lớn các trường ĐH được khảo sát trực tiếp đều xác nhận chưa đến 50% số giảng viên có đổi mới PPDH.

- Do nhiều nguyên nhân, việc đổi mới PPDH được triển khai không đồng bộ, điều kiện đổi mới PPDH (về cơ sở vật chất, thiết bị, về cơ chế chính sách) nói chung còn thiếu, điều này ảnh hưởng tới việc đổi mới PPDH nói riêng và việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

- Việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, các thiết bị dạy học hiện đại đã được chú ý ở các trường, tuy nhiên, chưa thực sự gắn với đổi mới PPDH. Mức độ phổ biến là trình chiếu PowerPoint, khai thác thông tin từ internet. Việc tổ chức dạy học theo hình thức E-learning còn rất hạn chế. Số lượng các tài liệu được số hoá trên các địa chỉ lưu trữ tài liệu học tập của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các trường ĐH còn khiêm tốn, tác dụng hỗ trợ giảng viên và SV không nhiều.

- Phương pháp học tập của SV chưa được chú ý. Các trường chưa chú trọng đến đổi mới phương pháp học của SV. Phần lớn SV tự nhận xét chưa có phương pháp học tập độc lập, tích cực, chủ động, tự nghiên cứu phù hợp với các PPDH ở ĐH.

3. Một số kiến nghị về các giải pháp đẩy mạnh đổi mới PPDH ở các trường ĐH

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng cơ chế tạo động lực đổi mới PPDH, ngoài các biện pháp, chính sách khuyến khích động viên, cần có cơ chế cạnh tranh (lành mạnh) trong đội ngũ giảng viên. Từng trường cũng cần có các chính sách tạo động lực dạy học, chẳng hạn đánh giá chất lượng giảng dạy dựa vào nhiều tiêu chí, trong đó bao gồm cả chất lượng học tập của SV, đánh giá góp ý của SV về chất lượng dạy của giảng viên,...

- Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường xây dựng các chuẩn quy định về vấn đề đổi mới PPDH, đưa thêm nhiều tiêu chí về đổi mới PPDH vào hệ thống tiêu chí đánh giá, kiểm định chất lượng. Có các quy định cụ thể đối với từng loại cơ sở đào tạo, quy định cụ thể đối với từng bậc giảng viên, từng chức danh. Đồng thời, cần nhanh chóng công bố các chuẩn điều kiện "bảo đảm đổi mới PPDH": chỉ số về tỉ lệ SV/giảng viên, chỉ số về tỉ lệ trình độ giảng viên, chỉ số về tỉ lệ SV/máy tính; chỉ số kết nối internet, về giáo trình, tài liệu tham khảo, về thiết bị dành cho SV, về phụ tá thí nghiệm,...

- Tăng cường trình độ chuyên môn song song với tăng cường năng lực về ngoại ngữ, về PPDH của đội ngũ giảng viên. Đảm bảo 100% giảng viên được bồi dưỡng thường xuyên về PPDH. Kết hợp các hình thức bồi dưỡng, đào tạo về PPDH: cử giảng viên theo học các khoá bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài, tổ chức bồi dưỡng tập huấn về PPDH cho cán bộ cốt cán , tổ chức các khoá tập huấn thường xuyên ở từng trường ĐH, tổ chức sinh hoạt chuyên đề ở các khoa, các bộ môn, tổ chức tự bồi dưỡng tại chỗ,... Cần đặc biệt chú ý đến bồi dưỡng PPDH cho đội ngũ giảng viên trẻ.

- Cần xây dựng bộ tài liệu về các PPDH, trong đó giới thiệu các PPDH tiên tiến, các kĩ thuật dạy học để đông đảo giảng viên có thể tham khảo. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức biên soạn một số tài liệu chính, giới thiệu các PPDH, các kĩ thuật dạy học hiện đại. Các tài liệu hỗ trợ này có thể được in thành chuyên khảo, đồng thời đưa lên mạng để giảng viên tiện tra cứu sử dụng. Từng trường sẽ viết các tài liệu hướng dẫn, các kinh nghiệm vận dụng PPDH tiên tiến trong từng ngành đào tạo cụ thể.

- Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, xây dựng các loại phòng học đa dạng phù hợp đổi mới PPDH. Tăng cường các phòng chuyên dụng như phòng máy tính, phòng thí nghiệm với đầy đủ thiết bị. Đặc biệt chú ý xây dựng trung tâm thông tin - thư viện, thư viện điện tử, các nguồn học liệu, khoá học trên internet, tạo môi trường học tập đa dạng, đáp ứng nhu cầu của đông đảo SV.

- Có cơ chế để giải quyết vấn đề quy mô lớp học: ngoài quy định chỉ số về tỉ lệ SV/giảng viên cho từng nhóm trường ĐH, cho phép các nghiên cứu sinh, các học viên cao học và SV cuối khoá được làm công tác trợ giảng. Khi đó, các lớp học lí thuyết lớn sẽ được các GS, PGS, giảng viên giỏi phụ trách, các lớp lớn sẽ được chia thành các lớp nhỏ, các nhóm học tập, mỗi lớp nhỏ, mỗi nhóm học tập sẽ được nghiên cứu sinh hoặc học viên cao học, SV giỏi cuối khoá hỗ trợ trong hoạt động thực hành, thực tập, trong hoàn thành các dự án học tập.

- Đi đôi với việc bồi dưỡng giảng viên về PPDH, cần giúp SV có phương pháp học tập phù hợp ngay từ năm thứ nhất.

- Xây dựng nhóm các đề tài nghiên cứu khoa học về PPDH cấp Bộ, cấp cơ sở ở các trường.

- Để có thể đẩy mạnh đổi mới PPDH, tạo ra bước chuyển biến mới trong đào tạo ở ĐH, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần triển khai một dự án với mục tiêu thúc đẩy đổi mới PPDH trong hệ thống giáo dục ĐH Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỉ yếu khoa học của một số trường ĐH.
2. Thống kê về các đề tài NCKH của các trường ĐH/Viện Nghiên cứu giai đoạn 2001-2005 của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
3. Nguyễn Công Khanh, *Báo cáo điều tra về "Phong cách học tập của SV"*, ĐHSP Hà Nội, 2008.
4. Nguyễn Văn Đạo, *Trao đổi ý kiến về phương pháp giảng dạy ĐH*, Kỉ yếu Hội thảo "Nâng cao chất lượng đào tạo" do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức, 10 - 11/5/2000.
5. Ngô Doãn Đãi; *Làm thế nào để đổi mới phương pháp dạy - học trong các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam*; Kỉ yếu Hội thảo "Đổi mới phương pháp dạy - học ở ĐH, cao đẳng" do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công đoàn Giáo dục Việt Nam tổ chức, 6 - 9/3/2003.
6. Lê Đức Ngọc; *Một số giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng dạy và học;* Kỉ yếu Hội thảo "Nâng cao chất lượng đào tạo" toàn quốc lần III Ban Liên lạc các trường ĐH và CĐ Việt Nam và ĐH Quốc gia Hà Nội, 7-8/6/2002.

SUMMARY

This article addresses the status of teaching innovation in higher education. The authors present results from the study on innovation of teaching in higher education and discuss the concrete conclusions.